



DANH SÁCH
SINH VIÊN KHÔNG ĐƯỢC MIỄN HỌC, MIỄN THI VÀ CÔNG NHẬN
KẾT QUẢ HỌC TẬP NĂM HỌC 2026 - 2027

(Đính kèm Thông báo số 1093/TB-CDYT ngày 13/10/2026 của Hội đồng xét tạm dừng chương trình học và bảo lưu kết quả học tập, buộc thôi học, thôi học, miễn thi và công nhận kết quả học tập năm học 2026-2027)

STT	Họ và tên	Lớp	Môn xin miễn	Giấy tờ kèm theo	Lý do không được miễn học, miễn thi và công nhận KQHT	GHI CHÚ
1	Nguyễn Thanh Tú	26CDH.YS.1B	- Giáo dục thể chất - Giáo dục Chính trị - Pháp luật - Giải phẫu - Y đức - Tin học - Sinh lý - Cấp cứu ban đầu	- Đơn Đăng ký - Bảng điểm (gốc)	Chưa có bằng tốt nghiệp trình độ tương ứng	
2	Đinh Yến Nhi	25CD.DD.20B	- Giáo dục An Ninh Quốc Phòng	- Đơn Đăng ký - CC GDQP và AN	Chưa có bằng tốt nghiệp trình độ tương ứng	
3	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	26CDH.DU.16.A	- Tiếng Anh - Chính trị - Hoá sinh - Lý sinh - Pháp luật - Sinh học đại cương	- Đơn Đăng ký - Bảng điểm (gốc)	Chưa có bằng tốt nghiệp trình độ tương ứng	



STT	Họ và tên	Lớp	Môn xin miễn	Giấy tờ kèm theo	Lý do không được miễn học, miễn thi và công nhận KQHT	GHI CHÚ
4	Nguyễn Ngọc Phương Trang	26CDH.DU.16.A	- Tiếng Anh - Chính trị - Hoá sinh - Lý sinh - Pháp luật - Sinh học di truyền	- Đơn Đăng ký - Bảng điểm (gốc)	Chưa có bằng tốt nghiệp trình độ tương ứng	
5	Nguyễn Thị Xuân Thương	25CD.XN.17	- Tiếng anh 1 - GDQP-AN - Triết học Mác- Lê Nin - Tiếng anh A1 - GDTC	- Đơn Đăng ký - Bảng điểm (có chứng thực)	Chưa có bằng tốt nghiệp trình độ tương ứng	
6	Nguyễn Trọng Văn	26CDH.PHCN.9	- Pháp luật DC - Kỹ năng giao tiếp - Tin học - GDQP và AN - GD Chính trị - GDTC - Tiếng anh	- Đơn Đăng ký - Bảng điểm (gốc)	Chưa có bằng tốt nghiệp trình độ tương ứng	
7	Lê Hồng Vân	26CDH.YS.1B				
8	Ngô Sỹ Thảo	26CDH.PHR.9	- GDTC - GD QPAN	- Đơn Đăng ký - Phiếu điểm (có chứng thực) - Chứng chỉ đào tạo (Có chứng thực)	Số tín chỉ đã học nhỏ hơn số tín chỉ của môn trong chương trình	

Tổng: 08 sinh viên





TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y DƯỢC KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN HỌC, MIỄN THI VÀ CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HỌC TẬP

(Đính kèm công văn số 531/CDYT-HDXBLTH ngày 13/10/2026 của Hội đồng xét tạm dừng chương trình học và bảo lưu kết quả học tập, bước thời học, thời học, miễn thi và công nhận kết quả học tập năm học 2026-2027)

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG CẤP BẰNG ĐIỂM	MÔN ĐÃ HỌC (Tín chỉ, điểm hệ 10, điểm hệ 4)	TÍN CHỈ	ĐIỂM HỆ 10	MÔN ĐƯỢC MIỄN HỌC, MIỄN THI, CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM (Tín chỉ)	TÍN CHỈ	CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM (HỆ 10)	GHI CHÚ		
I. CÁC LỚP TRUNG CẤP (01 học sinh)												
1	Trần Tô Nguyễn Chuong	26TCH.VHCT.15	Đại học công nghệ Tp. HCM, Đại học chính quy Quản trị kinh doanh	1	Pháp luật đại cương	3	5.1	1	Pháp luật	3	5.1	
				2	Nhập môn công nghệ thông tin	3	6.5	2	Tin học	3	6.5	
				3	Tiếng Anh 1	3	7.5	3	Tiếng Anh	4	$((7.5*3)+(4.9*3)+(5.5*3)+ (4*3)+(5.5*3)+(6*3))/1$ 8 = 5.6	
				4	Tiếng Anh 2	3	4.9					
				5	Tiếng Anh 3	3	5.5					
				6	Tiếng Anh 4	3	4.0					
				7	Tiếng Anh 5	3	5.5					
				8	Tiếng Anh 6	3	6.0					
				9	Đường lối CM của Đảng CSVN	3	7.3	4	Giáo dục Chính trị	5	$((3*7.3)+(2*5.3)+(5*4.8))/10 = 5.7$	
				10	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	5.3					
				11	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	5	4.8					
				12	Bóng chuyền 1	2	9.0	5	Giáo dục thể chất	2	$((9*2)+(6.5*2)+(9*1))/5 = 8.0$	
				13	Bóng chuyền 2	2	6.5					
				14	Bóng chuyền 3	1	9.0					
				15	Giáo dục Quốc phòng - an ninh 1	3	6.5	6	Giáo dục quốc phòng và An ninh		$((6.5*3)+(5.5*2)+(7.5)/6 = 6.3$	
				16	Giáo dục Quốc phòng - an ninh 2	2	5.5					
				17	Giáo dục Quốc phòng - an ninh 3	0	7.5					



STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG CẤP BẰNG ĐIỂM	MÔN ĐÀ HỌC (Tín chỉ, điểm hệ 10, điểm hệ 4)	TÍN CHỈ	ĐIỂM HỆ 10	MÔN ĐƯỢC MIỄN HỌC, MIỄN THI, CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM (Tín chỉ)	TÍN CHỈ	CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM (HỆ 10)	GHI CHÚ
II. CÁC LỚP CAO ĐẲNG (24 sinh viên)										
1	Võ Khắc Hoàng Văn	26CDH.YS.1A	Trường Cao đẳng Bình Thuận, Cao đẳng Dược	1 Pháp luật	2	8.1	1 Pháp luật	2	8.1	
				2 Giáo dục thể chất	2	9.2	2 Giáo dục thể chất	2	9.2	
				3 Giáo dục quốc phòng và An ninh	4	8.3	3 Giáo dục quốc phòng và An ninh	3	8.3	
				4 Tin học	3	9.0	4 Tin học	3	9.0	
				5 Tiếng Anh	5	7.9	5 Tiếng Anh	4	7.9	
				6 Dược lý 1	4	8.0	6 Dược lý	3	$((8*4)+(8*4))/8 = 8.0$	
				7 Dược lý 2	4	8.0		2	6.6	
				8 Vi sinh - Ký sinh trùng	2	6.6	7 Vi sinh - Ký sinh trùng	2	6.6	
				9 Hoá sinh	3	8.3	8 Hoá sinh	2	8.3	
2	Nguyễn Thị Thùy Vy	26CDH.YS.1A	Trường Cao đẳng VHNT&DL Nhà Trang, Cao đẳng chính quy Quản trị kinh doanh khách sạn, nhà hàng.	1 Giáo dục Quốc phòng 1	3	5.0	1 Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	$((5*3)+(6*2)+(7*3))/8 = 6.0$	
				2 Giáo dục Quốc phòng 2	2	6.0		2	$((5.3+(8*2))/3) = 7.1$	
				3 Giáo dục Quốc phòng 3	3	7.0				
				4 Giáo dục Thể chất 1	1	5.3	2 Giáo dục Thể chất	2		
				5 Giáo dục Thể chất 2	2	8.0				
				6 Ngoại ngữ chính học phần 1	2	7.1				
				7 Ngoại ngữ chính học phần 2	2	7.9	3 Tiếng Anh	4	$((7.1*2)+(7.9*2)+(8.4*2)+ (7.2*2)+(8*3)+(6.6*2)+ (6.7*3)+(5.6*2))/18 = 7.2$	
				8 Ngoại ngữ chính học phần 3	2	8.4				
				9 Ngoại ngữ chính học phần 4	2	7.2				
				2 Ngoại ngữ chính học phần 5	3	8.0				
				3 Ngoại ngữ phụ học phần 1	2	6.6				
				4 Ngoại ngữ phụ học phần 2	3	6.7				
				5 Ngoại ngữ phụ học phần 3	2	5.6				
				6 Nhà nước và Pháp luật	2	7.3	4 Pháp luật	2	7.3	

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG CẤP BẢNG ĐIỂM	MÔN ĐÃ HỌC (Tin chi, điểm hệ 10, điểm hệ 4)		TIN CHỈ	ĐIỂM HỆ 10	MÔN ĐƯỢC MIỄN HỌC, MIỄN THI, CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM (Tin chi)		TIN CHỈ	CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM (HỆ 10)	GHI CHÚ
				7 Những NL cơ bản của CN Mác- Lênin 1	2	6.4		5 Giáo dục Chính trị			$((6,4*2)+(6*3)+(6,2*2)+(8,3*3))/10 = 6,8$	
				8 Những NL cơ bản của CN Mác- Lênin 2	3	6.0						
				9 Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	6.2						
				10 Đường lối CM của ĐCS Việt Nam	3	8.3						
				1 Pháp luật	2	7.8		1 Pháp luật	2		7.8	
				2 Cấp cứu ban đầu	2	8.7		2 Cấp cứu ban đầu	2		8.7	
				3 Y đức	2	7.0		3 Y đức	2		7.0	
				4 Tiếng Anh 1	3	7.5		4 Tiếng Anh			$((7,5*3)+(7,9*3))/6 = 7,7$	
				5 Tiếng Anh 2	3	7.9						
				6 Kỹ năng giao tiếp - GDSK	2	7.9		5 Kỹ năng giao tiếp - GDSK	2		7.9	
				7 Giải phẫu	3	7.4		6 Giải phẫu	3		7.4	
				8 Tin học	3	8.0		7 Tin học	3		8.0	
				9 Sinh lý	2	7.1		8 Sinh lý	2		7.1	
				10 Giáo dục thể chất	ĐK	7.3		9 Giáo dục thể chất	ĐK		7.3	
				11 Giáo dục quốc phòng và An ninh	ĐK	6.9		10 Giáo dục quốc phòng và An ninh	ĐK		6.9	
				1 Pháp luật	2	7.4		1 Pháp luật	2		7.4	
				2 Cấp cứu ban đầu	2	8.5		2 Cấp cứu ban đầu	2		8.5	
				3 Y đức	2	7.4		3 Y đức	2		7.4	
				4 Tiếng Anh 1	3	8.2		4 Tiếng Anh			$((8,2*3)+(8,1*3))/6 = 8,2$	
				5 Tiếng Anh 2	3	8.1						
				6 Kỹ năng giao tiếp - GDSK	2	7.3		5 Kỹ năng giao tiếp - GDSK	2		7.3	
				7 Giải phẫu	3	8.1		6 Giải phẫu	3		8.1	
				8 Tin học	3	9.2		7 Tin học	3		9.2	
				9 Sinh lý	2	8.8		8 Sinh lý	2		8.8	
				10 Giáo dục thể chất	ĐK	7.5		9 Giáo dục thể chất	ĐK		7.5	

4 Nguyễn Hoài
Nguyễn

26CDH.YS.1A

Trường Cao
đẳng Y tế
Khánh Hòa,
Cao đẳng KT
Phục Hình răng

3 Huỳnh Trung
Tìn

26CDH.YS.1A

Trường Cao
đẳng Y tế
Khánh Hòa,
Cao đẳng
chính quy Kỹ
thuật Phục
Hình Răng

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG CẤP BẢNG ĐIỂM	MÔN ĐÃ HỌC (Tin chi, điểm hệ 10, điểm hệ 4)	TÍN CHỈ	ĐIỂM HỆ 10	MÔN ĐƯỢC MIỄN HỌC, MIỄN THI, CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM (Tin chi)	TÍN CHỈ	CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM (HỆ 10)	GHI CHÚ
				11 Giáo dục Quốc phòng - An ninh	ĐK	8.1	10 Giáo dục Quốc phòng - An ninh	ĐK	8.1	
5	Nguyễn Đức Trọng	26CDH.YS.1B	Trường Đại học Nha Trang, Đại học chính quy Kỹ thuật Ô tô	1 Tiếng Anh B1.1	4	6.2	1 Tiếng Anh	4	(((6.2*4)+(8*4))/8 = 7.1	
				2 Tiếng Anh B1.2	4	8.0				
				3 Tin học cơ sở	2	7.0	2 Tin học	3	(((7*2)+(7.3*1))/3 = 7.1	
				4 Thực hành Tin học cơ sở	1	7.3				
				5 Pháp luật đại cương	2	6.2	3 Pháp luật	2	6.2	
				6 Giáo dục thể chất (Taewwondo)		10.0				
				7 Giáo dục thể chất (Chạy)		6.0	4 Giáo dục thể chất	2	(10+6+6)/3 = 7.3	
				8 Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)		6.0				
				9 Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	8.4	5 Giáo dục Chính trị	5	(((8.4*2)+(8*2)+(8.8*3)+(8.5*2))/9 = 8.5	
				10 Lịch sử Đảng CSVN	2	8.0				
				11 Triết học Mác - Lênin	3	8.8				
				12 Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	8.5				
				13 Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (Đường lối quốc phòng của ĐCSVN)		8.5	6 Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	(8.5+8.8+7.7+7.3)/4 = 8.1	
				14 Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)		8.8				
				15 Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (Quân sự chung)		7.7				
				16 Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến		7.3				
6	Duong Minh Phủ	26CDH.YS.1B	Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa, Cao đẳng KT Phục Hình răng	1 Pháp luật	2	6.8	1 Pháp luật	2	6.8	
				2 Cấp cứu ban đầu	2	7.7				
				3 Y dục	2	6.0	3 Y dục	2	6.0	
				4 Tiếng Anh 1	3	6.6				
				5 Tiếng Anh 2	3	7.6	4 Tiếng Anh	4	(((6.6*3)+(7.6*3))/6 = 7,1	
				6 Kỹ năng giao tiếp - GDSC	2	6.7				
				7 Giải phẫu	3	7.5	5 Kỹ năng giao tiếp - GDSC	2	6.7	
				8 Tin học	3	8.0				

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG CẤP BẰNG ĐIỂM	MÔN ĐÃ HỌC (Tin chỉ, điểm hệ 10, điểm hệ 4)			TÍN CHỈ	ĐIỂM HỆ 10	MÔN ĐƯỢC MIỄN HỌC, MIỄN THI, CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM (Tin chỉ)			TÍN CHỈ	CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM (HỆ 10)	GHI CHỮ
				9	Sinh lý	2	5.9	8	Sinh lý	2	5.9			
				10	Giáo dục thể chất	ĐK	6.9	9	Giáo dục thể chất	ĐK	6.9			
				11	Giáo dục quốc phòng và An ninh	ĐK	7.6	10	Giáo dục quốc phòng và An ninh	ĐK	7.6			
				1	Tiếng Anh B1.2	4	7.5	1	Tiếng Anh	4	$((7,5*4)+(7,1*4))/8 = 7,3$			
				2	Tiếng Anh B1.1	4	7.1							
				3	Triết học Mác - Lênin	3	7.3							
				4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	6.5	2	Giáo dục Chính trị	5	$((7,3*3)+(6,5*2)+(7*2))/7 = 7,0$			
				5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	7.0							
				6	Tin học đại cương A (LT+TH)	3	5.5	3	Tin học	3	5.5			
				7	Pháp luật đại cương	2	6.3	4	Pháp luật	2	6.3			
				8	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (Đường lối quốc phòng của ĐCSVN)		6.7							
				9	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)		8.7							
				10	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (Quản sự chung)		7.4	5	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	$((6,7+8,7+7,4+5,5)/4 = 7,1$			
				11	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật)		5.5							
				12	Giáo dục thể chất (Chạy)		6.0							
				13	Giáo dục thể chất (Bóng đá)		6.5	6	Giáo dục thể chất	2	$((6+6,5+6)/3 = 6,2$			
				14	Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)		6.0							
8	Nguyễn Ngọc Thiên Phước	26CDH.YS.1B	Trung tâm CNTT và Ngoại ngữ, Trường Đại học Thông tin liên lạc	1	Chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Chứng chỉ	1	Tin học	3	Miễn			

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG CẤP BẢNG ĐIỂM	MÔN ĐÃ HỌC (Tên chi, điểm hệ 10, điểm hệ 4)	TỈN CHỈ	ĐIỂM HỆ 10	MÔN ĐƯỢC MIỄN HỌC, MIỄN THI, CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM (Tên chi)	TỈN CHỈ	CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM (HỆ 10)	GHI CHÚ
			Trung tâm Khảo thí - Địa điểm kinh doanh công tự có phần công nghệ giáo dục ITEP	2 Tiếng Anh A2		Chứng chỉ A2	2 Tiếng Anh	4	Miễn	
				1 Triết học Mác - Lênin	3	7.8				
				2 Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	6.6				
				3 Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	7.7	1 Giáo dục Chính trị	5	$((7,8*3)+(6,6*2)+(7,7*2)+ (7,6*2)+(8,7*2))/11 = 7,7$	
				4 Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	7.6				
				5 Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	8.7				
				6 Anh văn 1 (AV1)	3	6.9				
				7 Anh văn 2 (AV2)	3	7.3				
				8 Anh văn 3 (AV3)	3	7.7				
				9 Anh văn 4 (AV4)	3	8.1	2 Tiếng Anh	4	$((6,9*3)+(7,3*3)+(7,7*3)+ (8,1*3)+(7,1*3)+(6,3*3)+ (5,4*3))/21 = 7,0$	
				10 Anh văn 5 (AV5)	3	7.1				
				11 Anh văn 6 (AV6)	3	6.3				
				12 Anh văn 7 (AV7)	3	5.4				
				13 Giáo dục thể chất	4	8.0	3 Giáo dục thể chất	2	8.0	
				14 Giáo dục quốc phòng 1 (LT)	3	7.6				
				15 Giáo dục quốc phòng 2 (LT)	2	7.6				
				16 Giáo dục quốc phòng 3 (TH)	2	8.8	4 Giáo dục quốc phòng và An ninh	3	$(7,6*3)+(7,6*2)+(8,8*2)+ (9,1*4)/11 = 8,4$	
				17 Giáo dục quốc phòng 4 (TH)	4	9.1				
				18 Pháp luật đại cương	2	8.3	5 Pháp luật	2	8.3	
				1 Đường lối Cách mạng ĐCSVN	4	6.0				
				2 Nguyên lý cơ bản Chủ nghĩa Mác - Lênin	8	8.0	1 Giáo dục Chính trị	5	$((6*4)+(8*8)+(7*3))/15 = 7,3$	
9	Lê Võ Huyền Nhi	26CDH.DU.16C	Trường Đại học Văn Lang, Quản trị kinh doanh							

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG CẤP BẰNG ĐIỂM	MÔN ĐÃ HỌC (Tên chỉ, điểm hệ 10, điểm hệ 4)		TÍN CHỈ	ĐIỂM HỆ 10	MÔN ĐƯỢC MIỄN HỌC, MIỄN THI, CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM (Tên chỉ)	TÍN CHỈ	CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM (HỆ 10)	GHI CHÚ
10	Hồ Thị Trọng Hoà	26CDH.DU.16C	Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa, Cao đẳng KT Xét nghiệm Y học	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	7.0				
				4	Hóa sinh 1	4	6.0				
				5	Hóa sinh 2	4	8.0	2	Hóa sinh	2	$((6*4)+(8*4)+(7*4))/12$ $= 7,0$
				6	Hóa sinh 3	4	7.0				
				7	Kỹ sinh trùng 1	4	7.0				
				8	Kỹ sinh trùng 2	4	7.0				
				9	Kỹ sinh trùng 3	3	7.0				
				10	Vi sinh 1	4	7.0	3	Vi sinh - Kỹ sinh trùng	2	$((7*4)+(7*4)+(7*3)+(7*4$ $)+(8*6)+(7*2)+(7*4))/27$ $= 7,2$
				11	Vi sinh 2	6	8.0				
				12	Vi sinh 3	2	7.0				
				13	Vi sinh 4	4	7.0				
				14	Ngoại ngữ 1	5	6.0				
				15	Ngoại ngữ 2	5	6.0	4	Tiếng Anh	4	$((6*5)+(6*5))/10 = 6$
				16	Giải phẫu	4	7.0	5	Giải phẫu	4	7.0
				17	Sinh học và di truyền	2	7.0	6	Sinh học và di truyền	2	7.0
				18	Sinh lý	3	9.0	7	Sinh lý	3	9.0
				19	Y đức	2	5.0	8	Y đức	2	5.0
				20	Giáo dục Quốc phòng và An ninh		Đạt	9	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	Đạt
				21	Giáo dục thể chất		Đạt	10	Giáo dục thể chất	2	Đạt
				22	Tin học	3	6.0	11	Tin học	3	6.0
				23	Hóa phân tích 1	3	7.0	12	Hóa phân tích	3	7.0
				24	Sức khỏe môi trường và vệ sinh	2	6.0	13	Sức khỏe môi trường và vệ sinh	2	6.0

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG CẤP BẢNG ĐIỂM	MÔN ĐÃ HỌC (Tin chỉ, điểm hệ 10, điểm hệ 4)	TIN CHỈ	ĐIỂM HỆ 10	MÔN ĐƯỢC MIỄN HỌC, MIỄN THI, CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM (Tin chỉ)	TIN CHỈ	CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM (HỆ 10)	GHI CHÚ
11	Phan Lê Như Quỳnh	26CDH.DU.16C	Trung tâm Khảo thi - Địa điểm kinh doanh công ty cổ phần công nghệ giáo dục ITEP Trung tam CNTT và Ngoại ngữ.T trường Đại học Thông tin liên lạc	1 Tiếng Anh A2		Chứng chỉ A2	1 Tiếng Anh	4	Miễn	
				2 Chúng chi Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Chúng chỉ	2 Tin học	3	Miễn	
12	Hồ Vũ Anh Thư	26CDN.DD.21D	Trường Cán bộ thành phố Hồ Chi Minh	1 Chính trị phổ thông	108t	7.0	1 Giáo dục chính trị	5 (75t)	7.0	
				1 Sinh học và di truyền	2	7.4	3 Sinh học và di truyền	2	7.4	
				2 Vi sinh - Ký sinh trùng	3	8.0	4 Vi sinh - Ký sinh trùng	2	8.0	
				3 Hoá sinh	3	7.2	5 Hoá sinh	2	7.2	
				4 Y đức	2	8.0	6 Y đức	2	8.0	
				5 Giáo dục thể chất	2	7.1	7 Giáo dục thể chất	2	7.1	
13	Phạm Bùi Uyên Trinh	26CDN.DD.21D	Trường Cao đẳng Y Dược Pasteur, Cao dẳng Dược	1 Triết học Mác - Lênin	3	6.0				
				2 Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	7.5				
				3 Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	7.8	1 Giáo dục Chính trị	5	$((6*3)+(7.5*2)+(7.8*2)+(7.8*2))/9 = 7,1$	
				4 Lịch sử Đảng công sản Việt Nam	2	7.8				
				5 Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (Đường lối quân sự của Đảng)		6.7				
				6 Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)		7.2				
				7 Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng và sử dụng lựu đạn)		8.0	2 Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	$(6.7+7.2+8+7)/4 = 7,2$	
				8 Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (Hiểu biết chung về quân, binh)		7.0				
				9 Tin học cơ sở	2	6.0				
				10 Thực hành tin học cơ sở	1	7.5	3 Tin học	3	$((6*2)+7.5)/3 = 6,5$	
14	Trương Thị Tuyết Thoa	26CDH.DD.21E	Trường Đại học Nha Trang, Đại học chính quy Quản trị Khách sạn							

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG CẤP BẢNG ĐIỂM	MÔN ĐÃ HỌC (Tên chi, điểm hệ 10, điểm hệ 4)		TÍN CHỈ	ĐIỂM HỆ 10	MÔN ĐƯỢC MIỄN HỌC, MIỄN THI, CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM (Tên chi)		TÍN CHỈ	CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM (HỆ 10)	CHI CHÚ
				11 Pháp luật đại cương	2	5.9		4 Pháp luật	2	5.9		
				12 Giáo dục thể chất (Chạy)		8.0						
				13 Giáo dục thể chất (Bóng đá)		5.5		5 Giáo dục thể chất	2	$(8+5.5+5)/3 = 6,2$		
				14 Giáo dục thể chất (Bóng chuyền)		5.0						
				15 Tiếng Anh A2.1	4	7.4						
				16 Tiếng Anh A2.2	4	6.8		6 Tiếng Anh	4	$((7,4*4)+(6,8*4)+(9,2*4)+(6,7*4))/16 = 7,5$		
				17 Tiếng Anh B1.1	4	9.2						
				18 Tiếng Anh B1.2	4	6.7						
				1 Chính trị	5	7.4		1 Chính trị	5	7.4		
				2 Pháp luật	2	8.2		2 Pháp luật	2	8.2		
				3 Giáo dục thể chất	ĐK	6.8		3 Giáo dục thể chất	ĐK	6.8		
				4 Giáo dục quốc phòng và An ninh	ĐK	7.9		4 Giáo dục quốc phòng và An ninh	ĐK	7.9		
				5 Tin học	3	6.2		5 Tin học	3	6.2		
				6 Tiếng Anh 1	3	6.9						
				7 Tiếng Anh 2	3	5.9		6 Tiếng Anh	4	$((6,9*3)+(5,9*3))/6 = 6,4$		
				8 Sinh học di truyền	2	9.6		7 Sinh học di truyền	2	9.6		
				9 Giải phẫu	3	7.5		8 Giải phẫu	3	7.5		
				10 Sinh lý	2	7.5		9 Sinh lý	2	7.5		
				11 Hoá sinh	2	8.2		10 Hoá sinh	2	8.2		
				12 Vi sinh - Ký sinh trùng	2	8.9		11 Vi sinh - Ký sinh trùng	2	8.9		
				13 Dược lý	5	7.0		12 Dược lý	5	7.0		
				14 Y đức	2	6.6		13 Y đức	2	6.6		
				15 Kỹ năng giao tiếp - GD SK	2	8.3		14 Kỹ năng giao tiếp - GD SK	2	8.3		
				16 Dinh dưỡng - Tiết chế	2	7.6		15 Dinh dưỡng - Tiết chế	2	7.6		
				1 Giao dục thể chất 1	0	8.0						
				2 Giáo dục thể chất 2	0	9.0		1 Giáo dục Thể chất	2	$(8+9)/2 = 8,5$		
				3 Anh văn 1 (khối Kỹ thuật -CN)	5	9.0						
				4 Anh văn 3 (khối KT-CN)	5	8.0		2 Tiếng Anh	4	$((9*5)+(8*5)+(8*5))/15 = 8,3$		

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG CẤP BẰNG ĐIỂM	MÔN ĐÀ HỌC (Tín chỉ, điểm hệ 10, điểm hệ 4)		TÍN CHỈ	ĐIỂM HỆ 10	MÔN ĐƯỢC MIỄN HỌC, MIỄN THI, CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM (Tín chỉ)		TÍN CHỈ	CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM (HỆ 10)	GHI CHÚ
16	Lưu Thị Hà Châu	26CDH.PHCN.9	Trường Đại học Văn Lang, Đại học Thiết kế Nội Thất	5	Anh văn 4 (khối KT-CN)	5	8.0					
				6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	8.0					
				7	Những nguyên lý CB của CN Mác - Lê 1	3	7.0					
				8	Những nguyên lý CB của CN Mác - Lê 2	5	5.0	3	Giáo dục Chính Trị	5	$((8*3)+(7*3)+(5*5)+(6*5))/16 = 6,3$	
				9	Đường lối Cách mạng của ĐCSVN	5	6.0					
				10	Pháp Luật Đại Cương	3	6.0	4	Pháp Luật	3	6.0	
				11	Giáo dục Quốc phòng	0	6.0	5	Giáo dục Quốc phòng - An Ninh	3	6.0	
				12	Tin Học Đại Cương	4	7.0	6	Tin Học	3	7.0	
				1	Tin học	3	6.9	1	Tin học	3	6.9	
				2	Sinh học và Di truyền	2	5.6	2	Sinh học và Di truyền	2	5.6	
				3	Y đức	2	6.8	3	Y đức	2	6.8	
17	Trần Công Quốc Nghĩa	26CDH.PHCN.9	Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa, Cao đẳng Dược	4	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	ĐK	6.5	4	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	ĐK	6.5	
				5	Tiếng Anh 1	3	6.1	5	Tiếng Anh	4	$((6,1*3)+(6*3))/6 = 6,1$	
				6	Tiếng Anh 2	3	6.0					
				7	Hóa sinh	2	8.3	6	Hóa sinh	2	8.3	
				8	Vĩ sinh - Ký sinh trùng	2	6.7	7	Vĩ sinh - Ký sinh trùng	2	6.7	
				9	Pháp luật	2	7.6	8	Pháp luật	2	7.6	
				10	Sinh lý	2	5.9	9	Sinh lý	2	5.9	
				11	Giải phẫu	3	6.3	10	Giải phẫu	3	6.3	
				12	Giáo dục thể chất	ĐK	8.1	11	Giáo dục thể chất	ĐK	8.1	
				13	Dược lý	5	6.1	12	Dược lý	5	6.1	
				14	Bệnh học	3	6.3	13	Bệnh học	3	6.3	
				15	Kỹ năng giao tiếp - Giáo dục sức khỏe	2	5.9	14	Kỹ năng giao tiếp - Giáo dục sức khỏe	2	5.9	

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG CẤP BẢNG ĐIỂM	MÔN ĐÃ HỌC (Tin chỉ, điểm hệ 10, điểm hệ 4)		TÍN CHỈ	ĐIỂM HỆ 10	MÔN ĐƯỢC MIỄN HỌC, MIỄN THI, CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM (Tin chỉ)	TÍN CHỈ	CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM (HỆ 10)	GHI CHÚ		
18	Trần Văn Hiếu	26CDH.PHR.9	Trường cao đẳng kỹ thuật Đắk Lắk, Trình độ Trung cấp Điện tử công nghiệp và dân	1	Tiếng Anh	4	5.0	1	Tiếng Anh	4	5.0		
			TT Ngoại ngữ - Tin học Bách Khoa.	2	Chúng chi Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Chúng chỉ	2	Tin học	3	Miễn		
19	Tài Thị Mỹ Duyên	26CDH.PHCN.9	Trường cao đẳng sư phạm Ninh Thuận, Cao đẳng chính quy ngành Tiếng Anh	1	Nguyên lý Mác Lê nin	7.5	7						
				2	Đường lối CM Đảng CSVN	4.5	7	1	Giáo dục Chính trị	5	$((7.5*7)+(4.5*7)+(7*3))/15 = 7,0$		
				3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	7						
				4	Pháp luật đại cương	2	7	2	Pháp luật	2	$((7*2)+(7*3))/5 = 7,0$		
				5	Đại cương Pháp luật Việt Nam	3	7						
				6	Nhập môn Tin học	3	8	3	Tin học	3	$((8*3)+(9*3))/6 = 8,5$		
				7	Tin học thực hành	3	9						
				8	Giáo dục thể chất		Đạt	4	Giáo dục thể chất	2	Miễn		
				9	Giáo dục quốc phòng - AN		Đạt	5	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3	Miễn		
				10	Speaking TC1	5	7						
				11	Listening TC1	3	8						
				12	Writing TC1	3	5						
				13	Grammar 1	3	5						
				14	Speaking TC2	5	7						
				15	Listening TC2	3	6						
				16	Reading TC1	2	6						
				17	Reading TC2	2	6						
				18	Grammar 2	3	5						
				19	Writing TC2	3	5						
				20	Speaking CC1	5	7						
				21	Reading CC1	2	5	6	Tiếng Anh	4			

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG CẤP BẰNG ĐIỂM	MÔN ĐÃ HỌC (Tin chỉ, điểm hệ 10, điểm hệ 4)	TÍN CHỈ	ĐIỂM HỆ 10	MÔN ĐƯỢC MIỄN HỌC, MIỄN THÍ, CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM (Tin chỉ)	TÍN CHỈ	CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM (HỆ 10)	GHI CHÚ									
				22	Listening CC1	3	5												
				23	Writing CC1	3	6												
				24	Speaking CC2	5	6												
				25	Reading CC2	2	7												
				26	Listening CC2	3	5												
				27	Writing CC2	2	5												
				28	Speaking CC3	5	7												
				29	Reading CC3	2	6												
				30	Listening CC3	2	6												
				31	Writing CC3	2	5												
				32	Tiếng Anh văn phòng	2	8												
				20	Phuong Khánh Trang	26CDH.PHCN.9	Trường đại học Mỹ thuật TP Hồ Chí Minh, Đại học Thiết kế đồ họa.				1	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	8.5	1	Pháp luật	2	8.5	
											2	Triết học Mác - Lênin	3	6.5	2	Giáo dục chính trị	5	(((6.5*3)+(7*2)+(7.5*2) +(8*2)+(7.5*2))/11 = 7.2	
3	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	7.0																
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	7.5																
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	8.0																
6	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	7.5																
7	Giáo dục thể chất	5	6.0					3	Giáo dục thể chất	2	6.0								
8	Giáo dục quốc phòng	16st	7.3					4	Giáo dục quốc phòng - An ninh	(75t)	7.3								
1	Tiếng Anh B1.1	4	8.9					1	Tiếng Anh	4	((8.9*4)+(7.4*4))/8 = 8.2								
2	Tiếng Anh B1.2	4	7.4																
3	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1 (Đường lối quốc phòng của Đảng)		6.6																
4	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (Công tác quốc phòng và an ninh)		5.9																
5	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng và sử dụng lựu đạn)		6.0									2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	((6.6+5.9+6+5)/4 = 5,9				

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG CẤP BẰNG ĐIỂM	MÔN ĐÀ HỌC (Tin chỉ, điểm hệ 10, điểm hệ 4)	TIN CHỈ	ĐIỂM HỆ 10	MÔN ĐƯỢC MIỄN HỌC, MIỄN THI, CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM (Tin chỉ)	TIN CHỈ	CÔNG NHẬN KẾT QUẢ ĐIỂM (HỆ 10)	GHI CHÚ
21	Lê Xuân Tiến	26CDH.PHCN.9	Trường Đại học Nha Trang, Đại học chính quy Quân trị kinh doanh	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (Hiệu biết chung về quân, binh chủng)		5.0				
				Tin học cơ sở	2	7.2				
				Thực hành tin học cơ sở	1	7.0	3	Tin học	3	$((7.2*2)+7)/3 = 7.1$
				Giáo dục thể chất (Chạy)		5.0				
				Giáo dục thể chất (Bóng đá)		7.0	4	Giáo dục thể chất	2	$(5+7+8,5)/3 = 6,8$
				Giáo dục thể chất (Cầu lông)		8.5				
				Triết học Mác - Lênin	3	7.5				
				Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	7.0				
				Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	7.8				
				Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	7.8	5	Giáo dục Chính trị	5	$((7.5*3)+(7*2)+(7.8*2)+(-7.8*2)+(7.5*2))/11 = 7.5$
				Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	7.5				
				Pháp luật đại cương	2	6.8	6	Pháp luật	2	6.8
				Giáo dục thể chất	60t	7.8	1	Giáo dục thể chất	60t	7.8
				Giáo dục Quốc phòng và An ninh	75t	6.5	2	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	75t	6.5
				Tin học	75t	4.6	3	Tin học	75t	4.6
				Giáo dục chính trị	75t	8.6	4	Giáo dục chính trị	75t	8.6
				Tiếng Anh	120t	7.5	5	Tiếng Anh	120t	7.5
22	Nguyễn Thành Tài	26CDH.PHR.9	Trường cao đẳng kỹ thuật Công nghệ Quý Nhơn, Cao đẳng chính quy Văn hành, sửa chữa	Giáo dục thể chất 1	1	8.0				
				Giáo dục thể chất 2	1	8.3	1	Giáo dục thể chất	2	$(8.0+8.3)/2 = 8,2$
				Chính trị	5	7.9	2	Giáo dục chính trị	5	7.9
				Giáo dục quốc phòng	4	7.1	3	Giáo dục quốc phòng và An ninh	3	7.1
23	Trương Thị Mỹ Ngoan	26CDH.XN.18	Trường Cao đẳng Du lịch Nha Trang, Cao đẳng nghề Quản trị khách sạn.							
24	Ngô Hồng Sum	25CD.DU.15B	QC Phòng Không - Không quân, Sư đoàn 372	Quyết định số 2452/QĐ-XN về việc cho quân nhân xuất ngũ			1	Giáo dục quốc phòng và An ninh	3	Theo Khoản 2 Điều 5 Thông tư 10/2018/TT-BLDTBXH năm 2018 Sinh viên được miễn học các nội dung thực hành kỹ năng quân sự trong môn học.